Ngày soạn: 4/10/2024

Ngày giảng: 7/10/2024

**TIẾT 5: Bài 3. TỈ LỆ BẢN ĐỒ. TÍNH KHOẢNG CÁCH THỰC TẾ**

**DỰA VÀO TỈ LỆ BẢN ĐỒ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

**\* Yêu cầu đối với HS khá giỏi:**

- Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Tính khoảng cách thực tế giữa hai điểm dựa vào tỉ lệ bản đổ

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

\* TH liên môn toán

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bản đồ TN Việt Nam có tỉ lệ số

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sách giáo khoa, vở ghi..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**Hoạt động 1: Khới động**

**a. Mục tiêu:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Cách thực hiện**

GV: GV đưa tình huống như sau:

Bạn A: Không biết Hải Phòng cách Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét nhỉ?

Bạn B: Đưa bản đồ đây mình tính cho.

***CH: Theo em, tại sao dựa vào bản đồ lại tính được khoảng cách từ Hải Phòng đến Hà Nội?***

GV: Yêu cầu HS HĐCN 1’ sau nghĩ TLCH

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Trình bày kết quả và chia sẻ

GV: Lắng nghe

GV: Nhận xét và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới.

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tỉ lệ bản đồ**

**a. Mục đích:** Biết được tỉ lệ bản đồ

**b. Cách thực hiện.**

GV yêu cầu HS đọc thông tin ở mục 1-T106, kết hợp quan sát hai bản đồ trong SGK: bản đổ Hành chính Việt Nam (trang 110) và bản đổ Các nước Đông Nam Á (trang 101) trả lời các yêu cầu sau:

*1. Nhận xét về kích thước lãnh thổ Việt Nam và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ và tại sao có sự khác nhau đó?*

*2. Cho biết ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.*

*3. Tỉ lệ số và tỉ lệ thước khác nhau như thế nào?*

HS rút ra nhận xét sự khác nhau về kích thước và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ là do chúng có tỉ lệ khác nhau

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

HS báo cáo kết quả, chia sẻ

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

+ Nhận xét về kích thước lãnh thổ Việt Nam có sự khác nhau: ở bản đồ T101 KT nhỏ, không chi tiết, còn H110 KT lãnh thổ VN lớn và chỉ tiết hơn. Có sự khác nhau đó do 2 bản đồ có tỉ lệ khác nhau.

**+ Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu**

**+ Có 2 loại tỉ lệ bản đồ: Tỉ lệ số và tỉ lệ thước**

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ**

**a. Mục đích:**

- Biết tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

- Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

**b. Cách thực hiện.**

GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 trang 106 HĐCN 5’ thực hiện 2 yêu cầu sau:

1/ Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố Hải Phòng và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) lần lượt là 1,5 cm và 5 cm, vậy trên thực tế hai thành phố đó cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

2/ Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai địa điềm đó là bao nhiêu?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS báo cáo kết quả, chia sẻ

GV: Lắng nghe

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài.

**- Nguyên tắc:** Muốn đo khoảng cách thực tế của hai điểm, phải đo được khoảng cách của hai điểm đó trên bản đồ rồi dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính.

**BT1.**

Khoảng cách trên thực tế từ thủ đô Hà Nội đến TP Hải Phòng là:

1,5 x 6 000 000 = 9 000 000 cm = 90 (km

Khoảng cách trên thực tế thủ đô Hà Nội đến TP Vinh là:

5 x 6 000 000 = 30 000 000 cm = 300 km

**BT2:**

Đổi 25 km = 2.500 000 cm

Khoảng cách giữa 2 điểm trên bản đồ là:

2500 000 : 500 000 = 5 cm

**\* GV lưu ý cho HS cách tính từng yếu tố trong CT:**

Tỉ lệ bản đồ = Khoảng cách trên bản đồ / khoảng cách trên thực tế

Khoảng cách trên BĐ = khoảng cách trên thực tế x tỉ lệ bản đồ

= khoảng cách trên thực tế : số lần thu nhỏ của bản đồ

Khoảng cách trên thực tế = Khoảng cách trên bản đồ/ tỉ lệ bản đồ = Khoảng cách trên bản đồ x số lần thu nhỏ của bản đồ

**Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng**

**a. Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

**b. Cách thực hiện.**

GV: HS quan sát bản đồ và thực hiện yêu cầu sau.

Căn cứ vào tỉ lệ thước hoặc tỉ lệ số của bản đồ hình 1, em hãy:

- Đo và tính khoảng cách theo đường chim bay từ chợ Bến Thành đến Công viên Thống Nhất.

- Tính chiều dài đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba giao với đường Phạm Hồng Thái đến

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.

HS thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS trình bày kết quả, chia sẻ

GV: Lắng nghe

GV: Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

**Bài tâp 1:**

Bản đồ có tỉ lệ 1: 10 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ tương ứng với 10 000 cm hay 100m trên thực tế.

+ Đo và tính khoảng cách theo đường chim bay từ chợ Bến Thành đến công viên Thống Nhất:

Khoảng cách từ chợ Bến Thành đến công viên Thống Nhất trên bản đồ là 7 cm

Khoảng cách theo đường chi bay từ chợ Bến Thành đến công viên Thống Nhất trên thực tế là: 7 x 100 = 700 m.

+ Tính chiều dai đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba Phạm Hồng Thái đến ngã tư giao với đường Hai Bà Trưng:

- Khoảng cách từ ngã ba Phạm Hồng Thái đến ngã tư Lê Thánh Tôn – Nguyễn Trung Trực trên thực tế: 5,5 cm x 100 = 550m.

- Khoảng cách từ ngã tư Lê Thánh Tôn – Nguyễn Trung Trực đến ngã tư Lê Thánh Tôn – Hai Bà Trưng trên thực tế: 6,7 cm x 100 = 670m.

- Chiều dài đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba Phạm Hồng Thái đến ngã tư giao với đường Hai Bà Trưng là: 550m + 670 = 1 220m.

**Bài tâp 2:**

Giữa hai bản đồ tự nhiên Việt Nam có tỉ lệ 1: 10 000 000 và 1: 15 000 000, bản đồ có tỉ lệ 1: 10 000 000 có kích thước lớn hơn và thể hiện được nhiều đối tượng địa lí hơn.

**IV. Củng cố và hướng dẫn học bài ở nhà**

- GV khái quát lại KT cơ bản bài học

- Về nhà: Học thuộc bài theo nội dung bài đã học. Xem lại BT1,2

- Chuẩn bị trước bài 4. Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ - Mục 1,2

**TỔ CM ĐÃ DUYỆT**

**Trần Thị Thanh Tân**